

BÁO CÁO AN NINH NGUỒN NƯỚC MÙA KIẾT VÈ
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TỪ LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG
(tháng 11/2025)

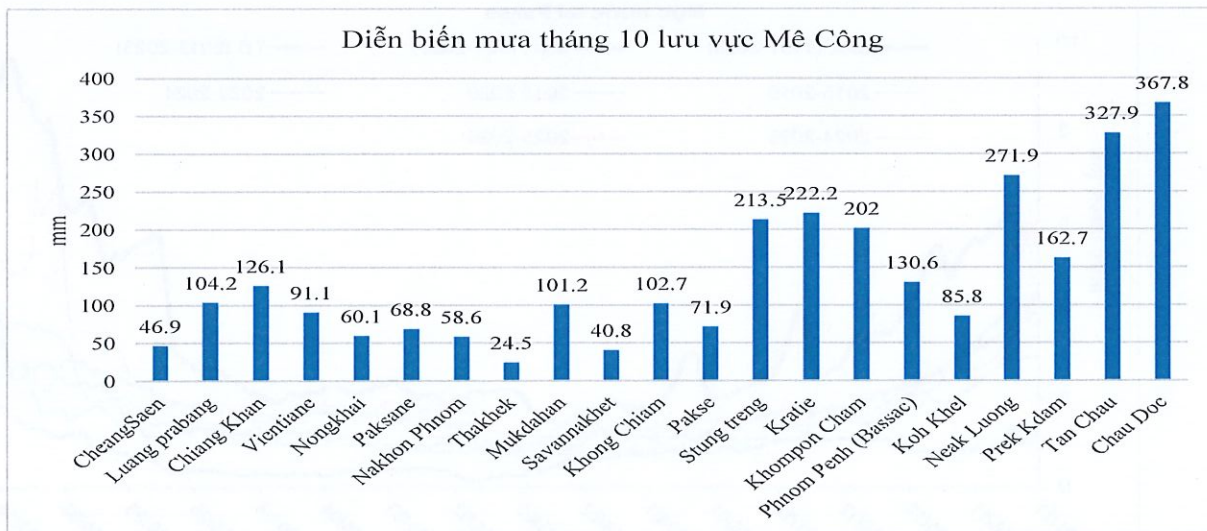
THUỘC NHIỆM VỤ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN, KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC Ở THƯỢNG
NGUỒN SÔNG MÊ CÔNG PHỤC VỤ GIÁM SÁT AN NINH NGUỒN NƯỚC VÙNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2025

NỘI DUNG 1: CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỘNG DÒNG
CHẢY VÀ NGUỒN NƯỚC, SỬ DỤNG NƯỚC Ở THƯỢNG NGUỒN
SÔNG MÊ CÔNG

1.1. Diễn biến mưa trên lưu vực Mê Công

Cập nhật các thông tin thu thập trên lưu vực sông Mê Công trong tháng 10/2025 cho thấy, lượng mưa phổ biến thấp hơn TBNN khoảng 34%; khu vực Bắc Thái Lan và Bắc Lào có lượng mưa thấp hơn TBNN khoảng 75%; khu vực Đông Bắc Thái Lan thấp hơn TBNN khoảng 83%; Châu thổ Mê Công cao hơn TBNN khoảng 48%.

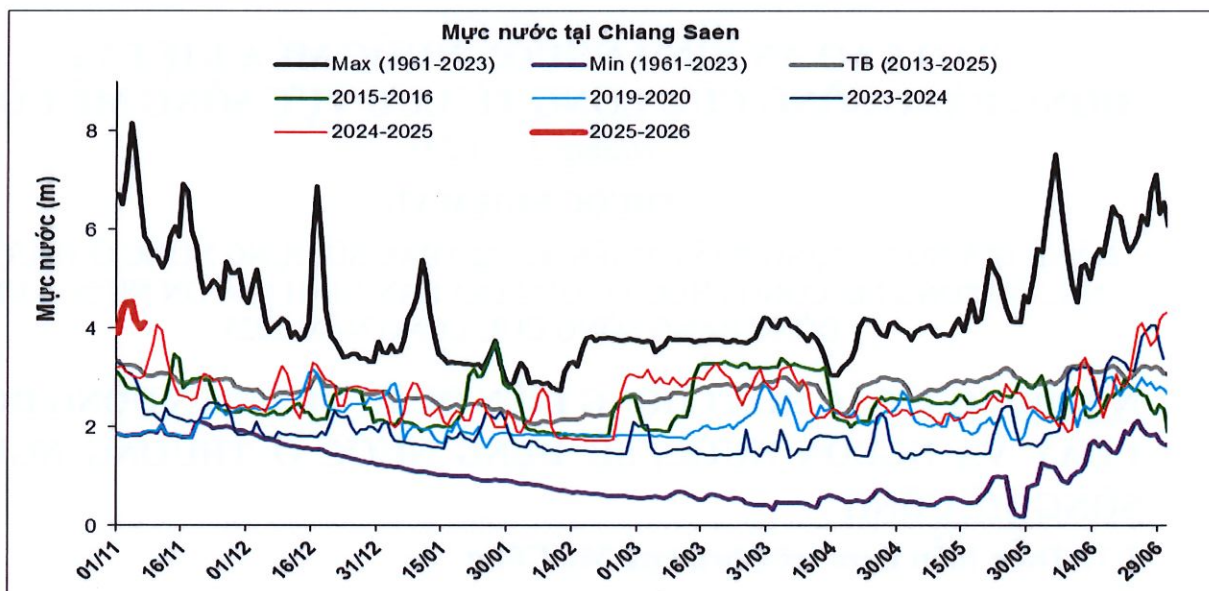


Hình 1: Diễn biến mưa lưu vực sông Mê Công tháng 10

1.2. Diễn biến dòng chảy trên dòng chính lưu vực Mê Công

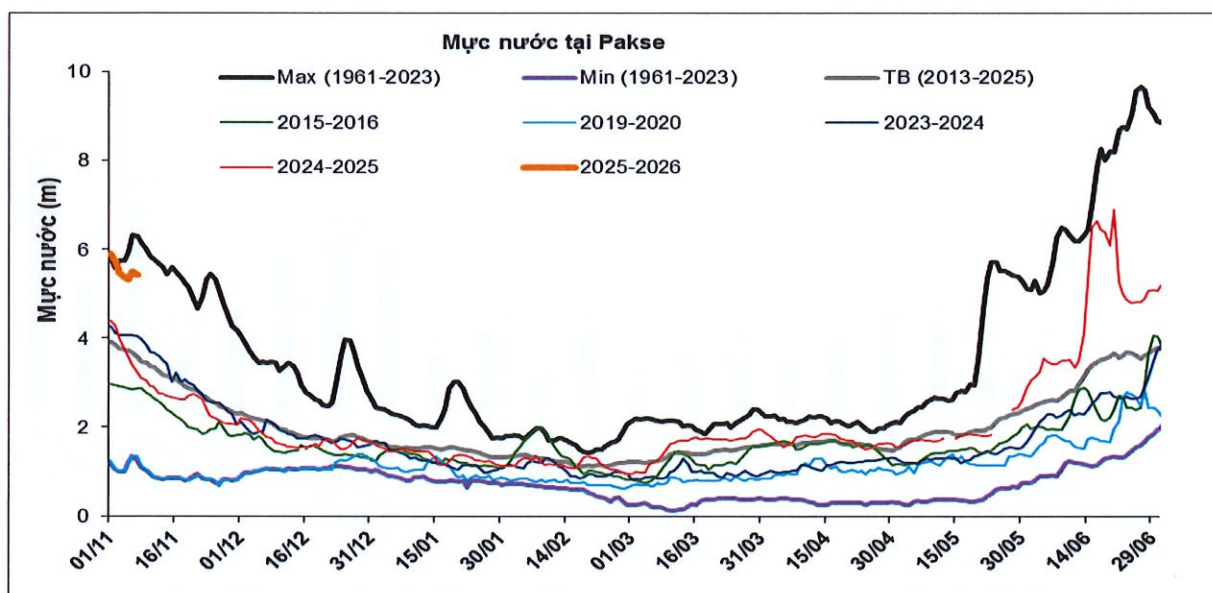
Mức nước các trạm dòng chính sông Mê Công hiện nay có sự biến động theo chiều hướng giảm do dòng chảy từ mưa suy giảm ở cuối mùa lũ. Tại Chiang Saen (Thái Lan), mức nước hiện đạt 4,12m, cao hơn TBNN (2013-2025) 1,05m; cao

hơn 2023 khoảng 1,86m và năm 2024 khoảng 1,08m. Tại Pakse, mực nước hiện nay là 5,42m, cao hơn TBNN; năm 2023; 2024 lần lượt là 1,84m; 1,37m; và 2,20m. Tại trạm đầu nguồn ĐBSCL – Kratie, mực nước cập nhật ngày 7/11 đạt 15,49m, cao hơn TBNN; năm 2023; 2024 lần lượt là 3,96m; 3,33m; và 3,87m.



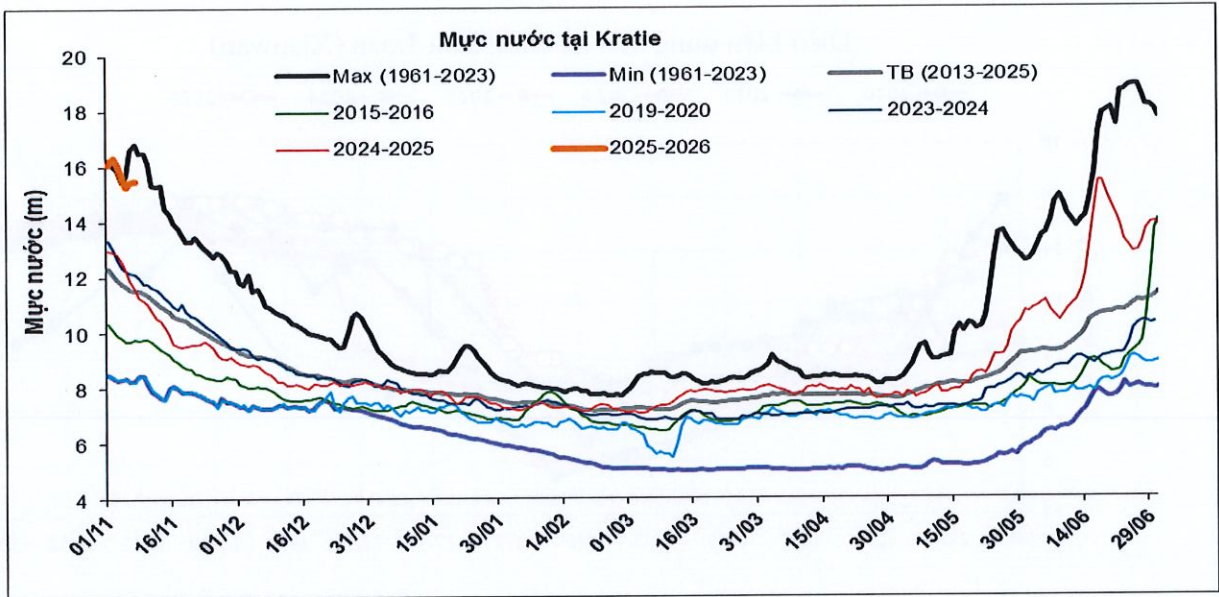
Hình 2: Diễn biến mực nước tại Chiang Saen – Thái Lan

Tổng lượng dòng chảy qua trạm Chiang Saen tháng 10/2025 khoảng 9,1 tỷ m^3 ; so sánh với quá khứ ở mức cao hơn khoảng 3,6 tỷ m^3 so với TBNN (2013-2025), cao hơn khoảng 2,8 tỷ m^3 so với năm 2024.



Hình 3: Diễn biến mực nước tại Pakse – Lào

Tại Pakse (Lào), tổng lượng nước tháng 10 qua đây đạt khoảng 61,7 tỷ m^3 , cao hơn TBNN (2013-2025) khoảng 25,2 tỷ m^3 ; cao hơn cùng kỳ năm 2024 khoảng 20,1 tỷ m^3 .

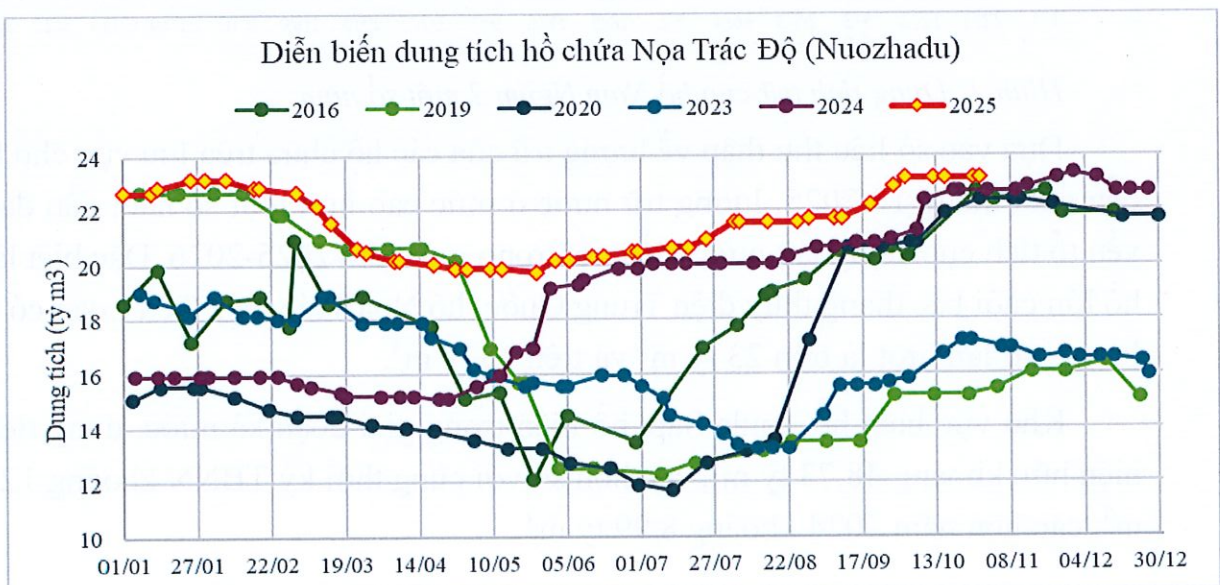


Hình 4: Diễn biến mực nước tại Kratie – Campuchia

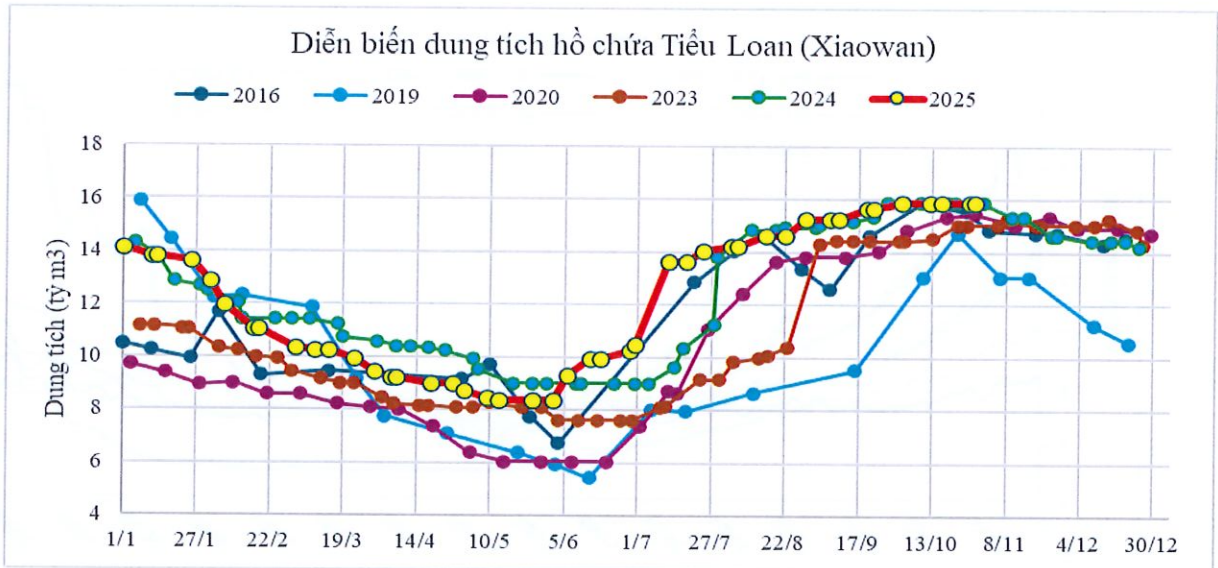
Tại Kratie (Campuchia), tổng lượng qua đập đạt khoảng 87,4 tỷ m³, cao hơn TBNN (2013-2025) khoảng 33,9 tỷ m³ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 khoảng 30,3 tỷ m³.

1.3. Lượng trữ các hồ chứa trên lưu vực Mê Công và biển hồ Tonle Sap

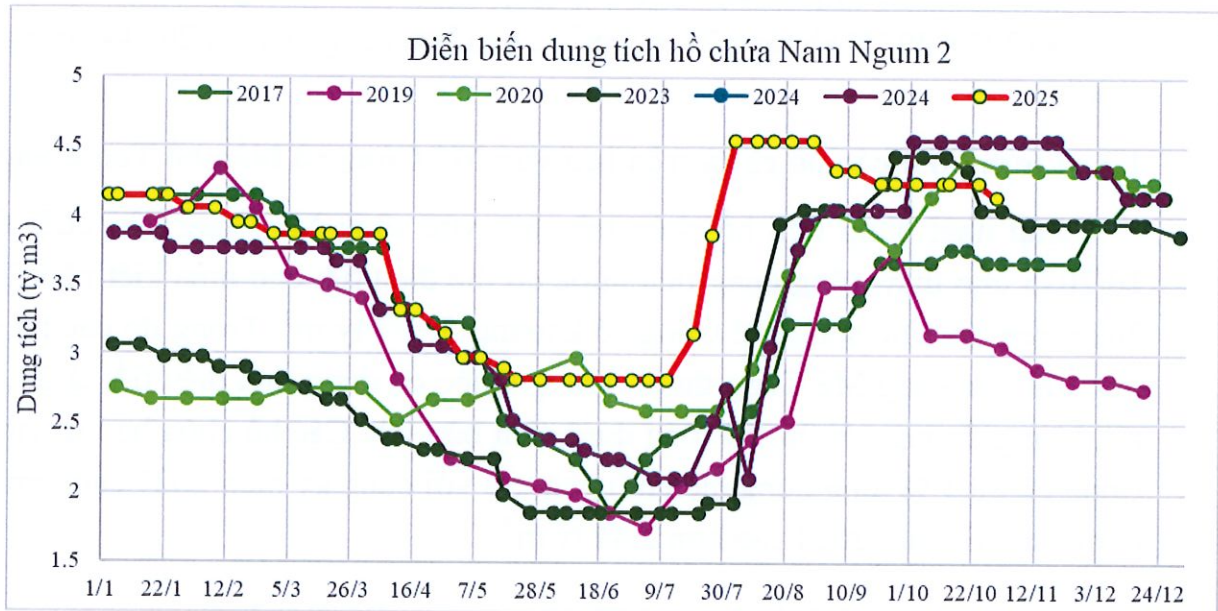
Cập nhật dung tích hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công đến cuối tháng 10/2025 cho thấy, tổng dung tích nước có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2024-2025 trên lưu vực sông Mê Công có khoảng 59,77 tỷ m³. Trong đó các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 22,85 tỷ m³, tương đương với 96,1% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công có 88,5 % tổng dung tích hữu ích. So với cùng kỳ năm 2023 cao hơn 9,05 tỷ m³, so với năm 2024 cao hơn 2,44 tỷ m³.



Hình 5: Dung tích trữ của hồ Nọa Trác Độ một số năm



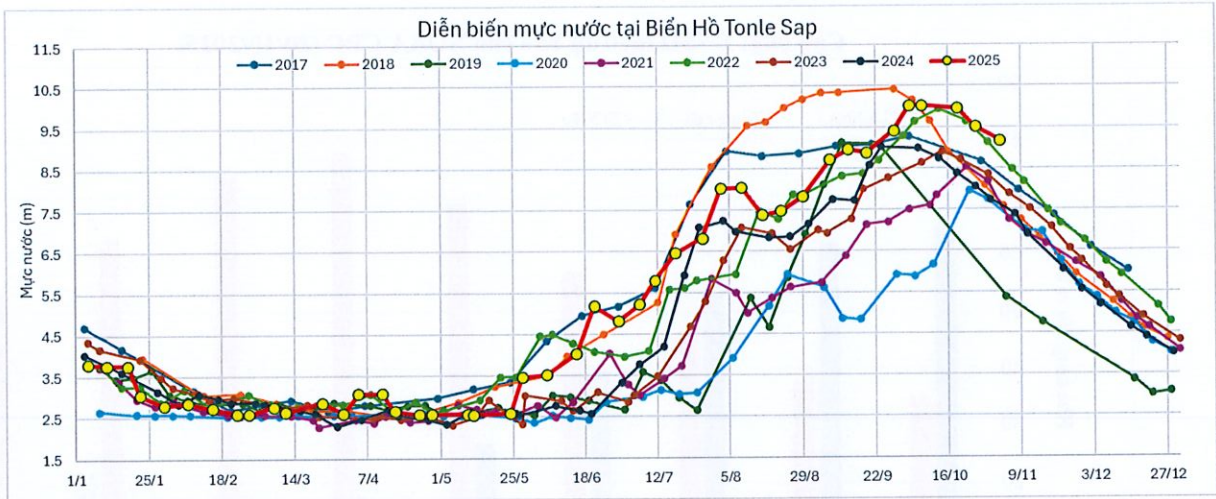
Hình 6: Dung tích trữ của hồ Tiểu Loan một số năm



Hình 7: Dung tích trữ của hồ Nam Ngụm 2 một số năm

Dựa vào số liệu thu thập về lượng trữ của các hồ chứa trên lưu vực cho thấy, đến cuối tháng 10/2025, lượng trữ nước ở mức cao hơn một số năm gần đây, là yếu tố tích cực về nguồn nước điều tiết trong mùa khô 2025-2026. Đặc biệt là các hồ lớn cuối bậc thang thủy điện Trung Quốc, hồ Nọa Trác Độ, Tiểu Loan có tổng lượng trữ lần lượt là trên 23 tỷ m³ và trên 15 tỷ m³.

Khu vực biển hồ Tonle Sap, hồ hiện trong giai đoạn xả nước, dung tích hồ hiện hữu khoảng 48,73 tỷ m³, cao hơn so với cùng thời kỳ TBNN khoảng 12,9 tỷ m³, cao hơn năm 2024 khoảng 8,99 tỷ m³.



Hình 8: Mực nước biển hồ Tonle Sap năm 2025 và một số năm

1.4. Sử dụng nước trên lưu vực Mê Công

Nhu cầu nước (NCN) trên lưu vực Mê Công tháng 11/2025 theo các kịch bản Cao/thấp/trung bình với từng quốc gia trên lưu vực dao động trong khoảng từ 4,6 đến 5,0 tỷ m³, tập trung phần lớn ở Thái Lan và Campuchia.

Hiện tại bước vào thời kỳ đầu mùa khô năm 2025-2026, nguồn nước thượng lưu về đồng bằng sông Cửu Long còn lớn, tổng lượng dòng chảy về đồng bằng trong tháng ước đạt 45 tỷ m³, gấp xấp xỉ 10 lần so với nhu cầu dùng nước thượng lưu, vì vậy sử dụng nước của các quốc gia thượng lưu trong tháng được xem là nhỏ so với tiềm năng nguồn nước sinh ra trên lưu vực.

Bảng 1: Tổng hợp tính toán nhu cầu nước của các quốc gia thượng lưu ĐBSCL

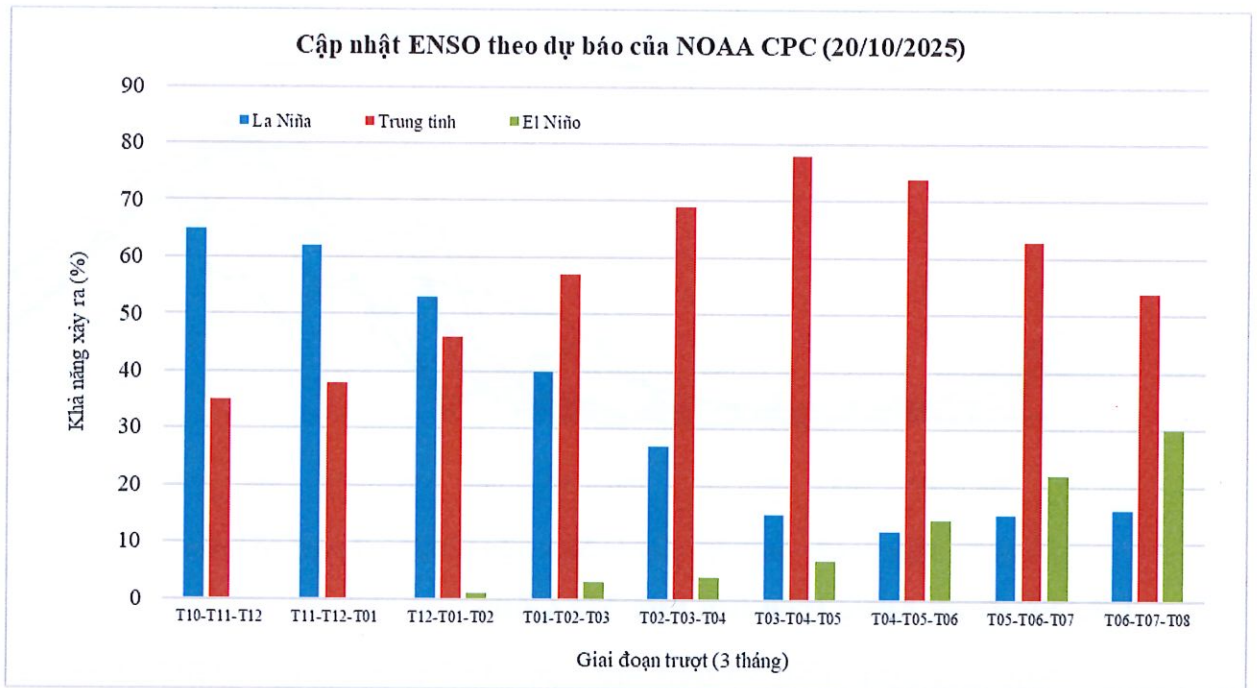
Đơn vị: tỷ m³

Tháng	Lào	Thái Lan	Campuchia	Tây Nguyên VN	Tổng
Cao	1,310	1,317	1,935	0,435	4,996
Thấp	1,280	1,235	1,682	0,396	4,593
Trung bình	1,295	1,276	1,808	0,415	4,794

NỘI DUNG 2: ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO THEO CÁC KỊCH BẢN CÁC TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÀ AN NINH NGUỒN NƯỚC Ở ĐBSCL

2.1. Cập nhật trạng thái ENSO

Theo IRI (International Research Institute for Climate and Society – Viện NC Khí hậu và Xã hội toàn cầu), từ giữa tháng 10/2025, ENSO đã chuyển sang trạng thái La-Niña với xác suất là 65%. Trạng thái La-Niña này được kỳ vọng sẽ tiếp tục hoạt động đến đầu mùa khô 2025-2026 (11/2025 đến 01/2026) với xác suất là 62% và 53% trong khoảng thời gian từ tháng 12/2025 đến tháng 02/2026.



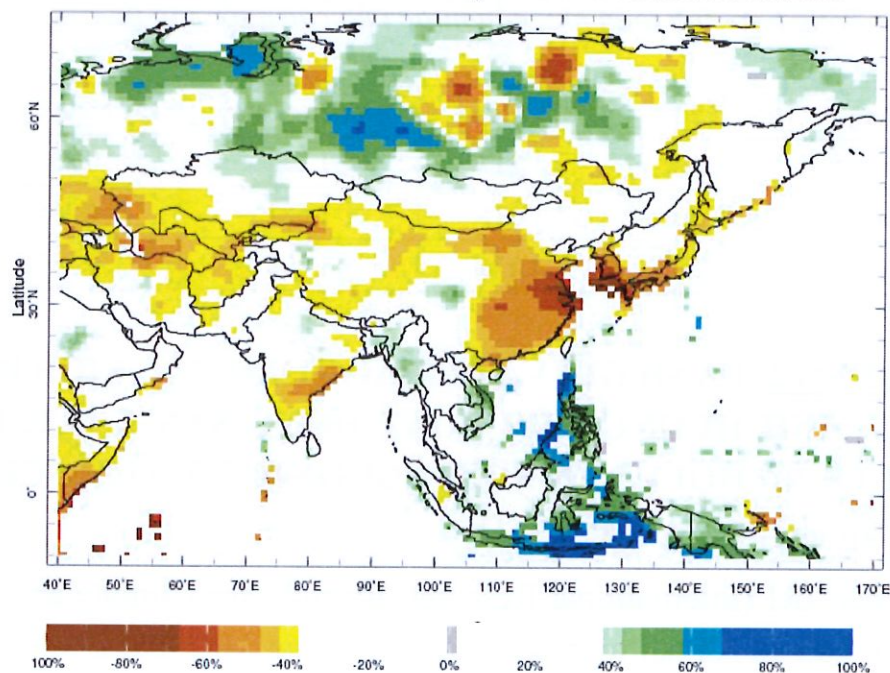
Nguồn: IRI (NOAA CPC - <https://iri.columbia.edu/>)

Hình 9: Dự báo khả năng xuất hiện các trạng thái ENSO mùa kiệt 2025-2026

2.2. Cập nhật dự báo mưa

Theo dự báo khả năng xuất hiện mưa trên lưu vực Mê Công của IRI cho thấy, khả năng có mưa trên lưu vực từ tháng 11/2025 đến 01/2026 ở mức tương đối cao – trên dưới 50% và phân bố chủ yếu ở Nam Lào, Tây Nguyên đến ĐBSCL.

Nov 2025 - Jan 2026 IRI Seasonal Precipitation Forecast issued Oct 2025



Nguồn: IRI

Hình 10: Dự báo khả năng xuất hiện mưa từ tháng 11/2025-01/2026 lưu vực Mê Công

2.3. Dự báo dòng chảy về ĐBSCL qua Kratie theo các kịch bản

Dựa vào tình hình khí hậu, lượng mưa dự báo và các kịch bản vận hành thủy điện, sử dụng nước thượng lưu, các kịch bản tính toán nguồn nước về Kratie được thiết lập và được đưa ra tại Bảng 2. Các kết quả được tổng hợp ở các mức độ rủi ro theo thứ tự: cao, trung bình và thấp. Kết quả cũng so sánh với TBNN và một số năm gần đây để có cái nhìn tổng quát khả năng nguồn nước có thể đến đầu nguồn ĐBSCL trong những tháng tới.

Dự báo nguồn nước về ĐBSCL ở mức cao hơn TBNN (2013-2025) ở tất cả các tháng dự báo, phụ thuộc hoàn toàn vào vận hành thủy điện thượng lưu. Các thay đổi của hoạt động thủy điện sẽ tác động đến an ninh nguồn nước ở Đồng bằng.

Bảng 2: Dự báo lưu lượng trung bình về Kratie tháng 11/2025

Tháng		Lưu lượng tại Kratie	So sánh lưu lượng các tháng năm 2025 với một số năm gần đây					
		Q (m ³ /s)	TB (2013-2025)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20	2015-16
Th.10/2025	Thực	32.620	+12.659	+11.325	+7.698	+5.239	+9.892	+13.882
Dự báo Th.11/2025	Cao	18.754	+9.186	+8.292	+8.883	+7.886	+14.436	+12.381
	Tb	17.504	+7.936	+7.042	+7.633	+6.636	+13.186	+11.131
	Thấp	16.254	+6.686	+5.792	+6.383	+5.386	+11.936	+9.881

Nguồn nước về Kratie thuộc nhóm năm trên trung bình nước. Với các kịch bản tính toán nguồn nước từ rủi ro cao đến thấp cho thấy, lưu lượng bình quân tháng 11/2025 tại trạm đầu nguồn ĐBSCL-Kratie từ hơn 16.254-18.754 m³/s. Dòng chảy ở mức cao hơn TBNN và một số năm gần đây cho thấy nguồn nước đổ về Đồng bằng với số lượng lớn, đảm bảo cho các nhu cầu trên Đồng bằng.

2.4. Đánh giá tác động đến sản xuất, kinh tế-xã hội và ANNN ĐBSCL

Với lưu lượng trung bình tháng như dự báo ở Bảng 2, nguồn nước về ĐBSCL qua Kratie ở mức cao hơn nhiều so với TBNN (2013-2025), là tín hiệu tốt về an ninh nguồn nước mùa khô 2025-2025, nguồn nước thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh tế-xã hội của ĐBSCL. Mùa lũ 2025 cao hơn một số năm gần đây được xem là thuận lợi, tuy nhiên do ảnh hưởng triều cường gây ra tình trạng ngập ở một số vùng ven biển và trung tâm đồng bằng, gây ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất và sinh hoạt của người dân các vùng đô thị, đặc biệt ảnh hưởng đến các vườn cây ăn trái nhỏ lẻ ngoài vùng đê bao bảo vệ. Lũ về mang theo nhiều lợi nhuận về thủy sản và phù sa bồi đắp cho đồng ruộng, giúp tăng độ phì của đất, thuận lợi cho vụ Đông Xuân 2025-2026.

3. Kết luận & kiến nghị

Dự báo nguồn nước về đồng bằng qua Kratic tháng 11/2025 ở điều kiện cao hơn TBNN, đây được xem là điều kiện thuận lợi cho sản xuất vụ Đông Xuân 2025-2026, tuy nhiên do lũ rút muộn, mực nước cao, một số địa phương vùng ngập lũ cần chủ động bơm rút nước đầu vụ để đảm bảo xuống giống sớm để đảm bảo an toàn với xâm nhập mặn cuối mùa khô.

Nguồn nước về đồng bằng phụ thuộc lớn vào vận hành thủy điện, vận hành tối ưu các hồ chứa thủy điện này sẽ mang lại lợi ích đảm bảo an ninh nguồn nước cho ĐBSCL, ngược lại sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro. Kiến nghị các đơn vị liên quan tiếp tục theo dõi các thông tin nguồn nước thông qua các báo cáo của Viện ban hành tiếp theo./.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Nghĩa Hùng